

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY TNHH MTV VIỆT TRUNG
KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI
LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẦU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẦU GIÁ**

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

TỔ CHỨC ĐẦU GIÁ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Việt Trung, H. Bồ Trách, T. Quảng Bình

Điện thoại: 0232.3796003 Fax: 0232.3796060

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẦU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3941 2626 Fax: (84-4) 3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3.944.6666 Fax: (04) 3.944.8071

Quảng Bình, năm 2017

MỤC LỤC

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ	5
PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	6
I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN.....	6
II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN	6
III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN	6
PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT.....	7
PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP.....	7
I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA.....	7
1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa.....	7
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	8
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	9
4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động	9
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH một thành viên Việt Trung	10
6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần.....	14
7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	15
8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp	18
9. Danh sách Công ty mẹ và Công ty con	21
10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa	22
11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa	28
12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa	28
13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành	29
II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA.....	31
1. Mục tiêu cổ phần hóa	31
2. Điều kiện cổ phần hóa.....	31
3. Hình thức cổ phần hóa	32
4. Vốn điều lệ của công ty cổ phần	32
5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa.....	33
6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	33
7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa	34

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	36
1. Mục tiêu phát triển	36
2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa	36
3. Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa	38
4. Biện pháp thực hiện.....	38
PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	41
I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN.....	41
1. Rủi ro về kinh tế.....	41
2. Rủi ro luật pháp.....	42
3. Rủi ro đặc thù	42
4. Rủi ro của đợt chào bán.....	42
5. Rủi ro khác	43
II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN.....	43
1. Đối tượng mua cổ phần	43
2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ.....	43
3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động.....	43
4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	45
5. Cổ phần bán cho Công đoàn:	46
6. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:	46
7. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán.....	46
III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA.....	46
IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	47
1. Đại diện Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của tỉnh	47
2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.....	47
3. Đại diện Tổ chức tư vấn	48
V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG	48

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh	9
Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp	14
Bảng số 3: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần.....	15
Bảng số 4: Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015	16
Bảng số 5: Thống kê đất đai của Công ty tại thời điểm 31/12/2015	Error! Bookmark not defined.
Bảng số 6: Tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015.....	19
Bảng số 7: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 31/12/2015	20
Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị của Công ty.....	21
Bảng số 9: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn năm 2013 – 2016.....	22
Bảng số 10: Kết quả kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa	23
Bảng số 11: Danh sách các nhà cung cấp của Công ty	24
Bảng số 12: Cơ cấu chi phí sản xuất giai đoạn 2013 –2016	25
Bảng số 13: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay	27
Bảng số 14: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa	28
Bảng số 15: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa.....	32
Bảng số 16: Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa.....	33
Bảng số 17: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2018 -2022	37
Bảng số 18: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa.....	38
Bảng số 19: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa	46

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa.....	10
Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa	34

PHẦN I: CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/07/2015 của Chính phủ quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/06/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hoá của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Thông tư số 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 91/2010/NĐ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ quy định chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần.
- Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa đối với các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước, trong đó có Công ty TNHH một thành viên Việt Trung;

- Công văn số 03/UBND-KTN ngày 05/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc triển khai thực hiện thông báo số 389/Tb-VPCP ngày 27/11/2015 của Văn phòng Chính phủ, đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp Nhà nước;
- Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH một thành viên Việt Trung;
- Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Việt Trung;
- Công văn số 147/STC-TCDN ngày 20/01/2016 về việc thành lập tổ giúp việc phục vụ công tác cổ phần hóa doanh nghiệp;
- Quyết định số 21/QĐ-CT ngày 27/01/2016 của Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Việt Trung về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Cổ phần hóa;
- Công số 186/UBND-KTN ngày 04/02/2016 về việc lựa chọn đơn vị thực hiện dịch vụ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để thực hiện cổ phần hóa;
- Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp đối với Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.
- Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH một thành viên Việt Trung thành Công ty cổ phần.

PHẦN II: CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

I. ĐƠN VỊ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ BÁN CỔ PHẦN

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh – Hoàn Kiếm – Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 3941 2626
- Fax: (84-4) 3934 7818.

II. ĐƠN VỊ CHÀO BÁN

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

- Địa chỉ: Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
- Điện thoại: 0232.3796003
- Fax: 0232.3796060.

III. ĐƠN VỊ TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

- Địa chỉ : Số 30 Nguyễn Du, P. Bùi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (04) 3.944.6666
- Fax: (04) 3.944.8071

PHẦN III: CÁC KHÁI NIỆM VÀ CHỮ VIẾT TẮT

1. “*Công ty*”: Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.
2. “*Cổ phần*”: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
3. “*Cổ phiếu*”: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần cổ phần.
4. “*Cổ đông*”: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần và có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông.
5. “*Cổ tức*”: Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính.
6. “*Vốn điều lệ*”: vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại Điều lệ Công ty.
7. Các từ hoặc nhóm từ được viết tắt trong Bản Công bố thông tin này có nội dung như sau:

CTCP	Công ty cổ phần.
Công ty TNHH MTV	Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
HĐQT	Hội đồng quản trị.
BKS	Ban kiểm soát.
GD	Giám đốc.
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.
HĐLĐ	Hợp đồng lao động.
TSCĐ	Tài sản cố định.
TSLĐ	Tài sản lưu động.
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán.
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
UBND	Ủy ban nhân dân.
CPH	Cổ phần hóa.
DN	Doanh nghiệp.
GTDN	Giá trị doanh nghiệp

PHẦN IV: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về doanh nghiệp cổ phần hóa

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG.
- Tên giao dịch tiếng Anh: VIETTRUNG COMPANY LIMITED;
- Trụ sở chính tại: Thị trấn Nông trường Việt Trung, H. Bố Trạch, T. Quảng Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 02323796105 Fax: 0232.3796060
- Website: <http://viettrungqb.com.vn>
- Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp: **180.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ đồng*).
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02/7/2010 và cấp thay đổi lần 04 ngày 30/9/2015.

2. Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân là Nông trường Việt Trung được thành lập ngày 01/01/1961 trên cơ sở hợp nhất 3 đơn vị là Nông trường Quân đội Sen Bàng, Nông trường Phú Quý và Trại chăn nuôi Thuận Đức. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu lúc bấy giờ là trồng cây công nghiệp như: Cao su, hồ tiêu, cà phê, dứa, chăn nuôi gia súc,...

Ngày 10/04/1998, UBND tỉnh Quảng Bình đã có văn bản số 06/1998-QĐ-UB về việc chuyển Nông trường Việt Trung thành Công ty Cao su Việt Trung. Thực hiện chủ trương chuyển đổi doanh nghiệp, ngày 30/06/2010, UBND tỉnh Quảng Bình đã có văn bản số 1478/QĐ-UBND phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cao su Việt Trung thành Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung.

Quá trình hình thành và phát triển của Nông trường luôn gắn với quá trình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và của địa phương. Là doanh nghiệp Nhà nước với chặng đường hơn 55 năm xây dựng và trưởng thành, phương hướng kinh doanh được thay đổi theo từng thời kỳ của từng giai đoạn lịch sử cách mạng nước nhà, từ kinh doanh phân tán như: Cao su, cây màu; nuôi bò sữa, bò thịt, bò sinh sản, lợn, cá, cây thức ăn gia súc,... lúc mới sơ khai thì đến hôm nay trên mảnh đất này, được khẳng định hướng kinh doanh chủ lực là: Cao su, hồ tiêu, cây lấy gỗ trên diện tích hiện quản lý để cho các sản phẩm: Cao su tự nhiên các loại; hồ tiêu đen; giống cao su các loại và các loại sản phẩm gỗ nguyên liệu, nội thất, dân dụng. Hướng kinh doanh đó được khẳng định và minh chứng trong suốt quá trình hơn 55 năm phát triển của doanh nghiệp, nhất là từ 1990 đến nay thì các chỉ tiêu doanh thu, lãi, nộp ngân sách, thu nhập người lao động ngày một tăng qua các năm.

Năm 2010, theo Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 30/06/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc chuyển đổi Công ty Cao su Việt Trung thành Công ty TNHH một thành viên Việt Trung hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Công ty TNHH một thành viên Việt Trung được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 ngày 02/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp, thay đổi lần thứ 4 ngày 30/9/2015.

Trong những năm qua, mặc dù đứng trước những khó khăn về vốn, cơ sở vật chất hạ tầng còn hạn chế, thời tiết diễn biến phức tạp, bão lụt thường xuyên xảy ra, giá cả thị trường biến động mạnh đã ảnh hưởng và tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhưng với lòng quyết tâm cao, dám nghĩ, dám làm của Ban Giám đốc cùng với sự đoàn kết, thống nhất của tập thể cán bộ, nhân viên, lao động đã tập trung tìm mọi biện pháp để tạo nguồn vốn, ổn định tổ chức bộ máy và phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh. Phát huy thế mạnh tiềm năng về con người và tài nguyên thiên nhiên, Công ty chú trọng lấy cây cao su là mặt hàng chiến lược trọng điểm. Công ty luôn lấy chất lượng sản phẩm là mục tiêu hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh và xây dựng thương hiệu, tập trung mọi nguồn lực, đầu tư máy móc, trang thiết bị và tìm mọi biện pháp tốt nhất để nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Năm 2013, diện tích cây cao su đã có hơn 2.747,96 ha, trong đó có 1.745,73 ha đã đưa vào khai thác.

Năm 2004, Công ty đã chủ động mở rộng ngành nghề sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý ở khu công nghiệp Tây Bắc thành phố Đồng Hới

với nhà xưởng máy móc, trang thiết bị hiện đại của Italia, Đài Loan, đảm bảo quy trình nghiêm ngặt về tiêu chuẩn môi trường. Đến nay, sản phẩm của nhà máy đã được các bạn hàng trên cả nước biết đến qua đó nâng cao hình ảnh và uy tín của công ty trên thị trường.

Cũng trong năm, tháng 4/2004, Công ty đã thực hiện đầu tư xây dựng Khách sạn Phú Quý, mở rộng nhiều loại hình dịch vụ phong phú nhằm phục vụ tối đa sự hài lòng của khách du lịch cũng như cán bộ, công nhân viên của Công ty đến nghỉ dưỡng, ngày càng khẳng định vị trí Khách sạn Phú Quý của Công ty trong lòng du khách gần xa. Công ty khánh thành Khu Hội thảo khách sạn Phú Quý với trang thiết bị sang trọng, hiện đại với vốn đầu tư trên 11 tỷ đồng.

Tuy nhiên, cơn bão số 10 vào cuối năm 2013 đã gây tình hình sản xuất, kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Trong năm 2016, tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su, nhưng với quyết tâm cao của tập thể cán bộ, công nhân, lao động Công ty đã vượt qua khó khăn, thách thức, tự lực, năng động, sáng tạo, xử lý tốt tình huống trong sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường và tình hình thực tế.

Công ty TNHH một thành viên Việt Trung luôn giải quyết tốt việc làm cho cán bộ, công nhân viên; đời sống công nhân ổn định, trả lương kịp thời cho người lao động. Công ty luôn coi trọng công tác thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động để đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho cán bộ, công nhân viên.

Thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước và thực hiện Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Công ty đã và đang triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp lần đầu ngày 02/7/2010 và cấp thay đổi lần 04 ngày 30/9/2015. Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung đang kinh doanh những ngành nghề sau:

Bảng số 1: Ngành nghề sản xuất kinh doanh

<i>STT</i>	<i>Tên ngành</i>	<i>Mã ngành</i>
1	Trồng cây cao su: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su; Sản xuất cây giống cao su.	01250
2	Khách sạn: Kinh doanh khách sạn, du lịch	55101
3	Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng.	16291

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung)

4. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu và địa bàn hoạt động

4.1. Sản phẩm dịch vụ chủ yếu

Sản phẩm chủ yếu của Công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp; trồng cây cao su, sản xuất và kinh doanh mủ cao su, chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

- + Công ty sản xuất giống cây cao su; trồng chăm sóc, khai thác, chế biến và kinh doanh mủ cao su;

- + Chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng: Cây sao su của công ty sau thời gian khai thác mù sẽ dùng làm nguyên liệu cho động sản xuất gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm.

4.2. Địa bàn hoạt động

Công ty TNHH một thành viên Việt Trung là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

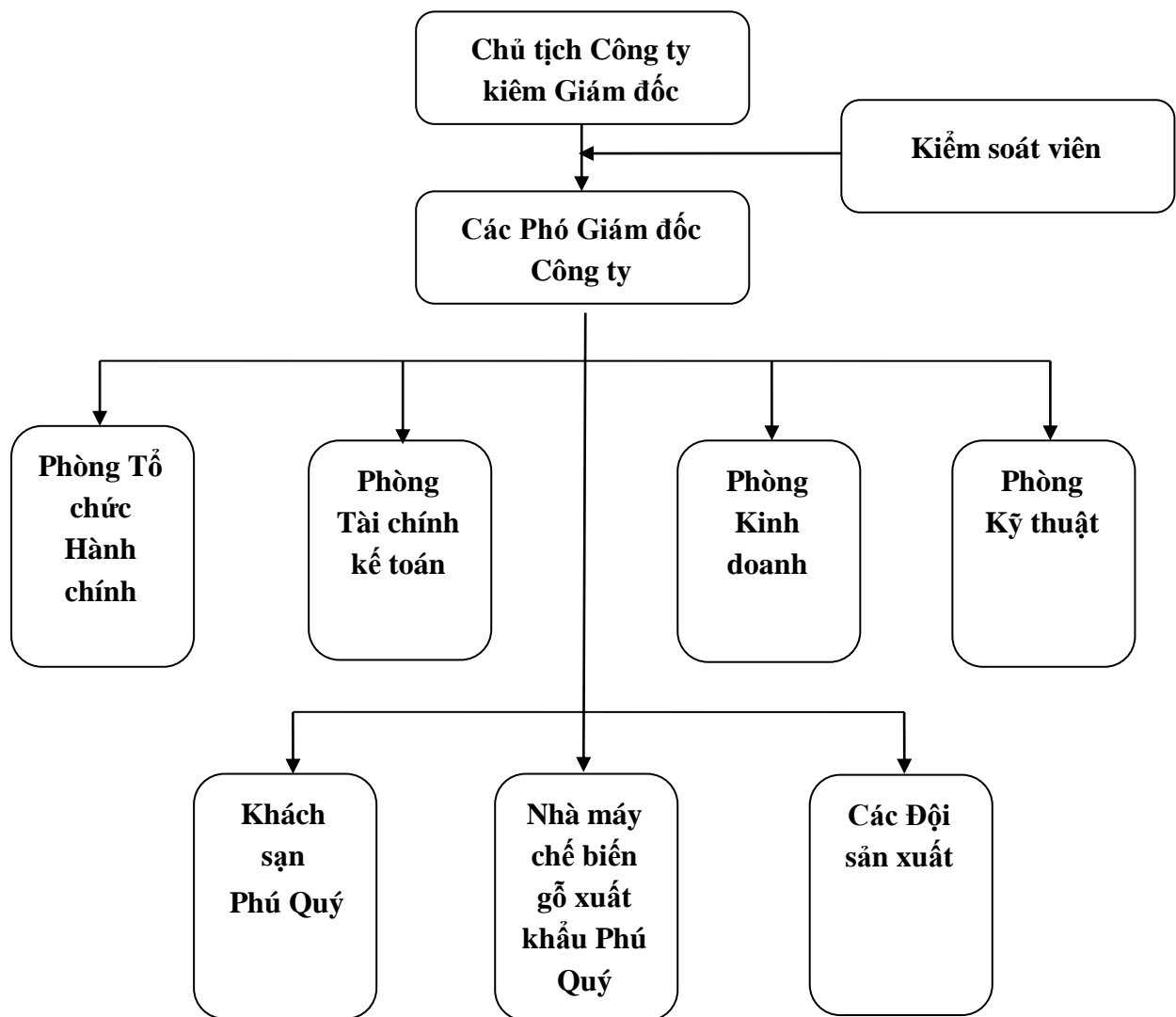
5. Cơ cấu tổ chức và quản lý Công ty TNHH một thành viên Việt Trung

Bộ máy tổ chức của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến hai cấp quản lý: Cấp Công ty và Cấp đơn vị trực thuộc. Các đơn vị có quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn cho từng bộ phận, phòng ban cũng như những kỹ năng cần thiết cho từng chức vụ, vị trí.

Cấp Công ty bao gồm: Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc là người đứng đầu và điều hành chính các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hỗ trợ cho Giám đốc là các Phó giám đốc. Các phòng ban chức năng bao gồm: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Kỹ thuật.

Cấp đơn vị trực thuộc bao gồm: Các đơn vị sản xuất và các đơn vị trực thuộc khác.

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

❖ **Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc:**

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty; lãnh đạo và điều hành chung toàn Công ty; nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở Công ty, có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của Công ty, quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo quy định tại điều lệ Công ty.
- Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ Công ty, biên chế bộ máy quản lý;
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty;
- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty; ...

❖ **Phó Giám đốc:**

Là người giúp Giám đốc Công ty điều hành một số lĩnh vực quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty theo phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và uỷ quyền; những công việc vượt quá thẩm quyền thì báo cáo đề xuất xin ý kiến Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc quyết định.

❖ **Kế toán trưởng:**

Tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc uỷ quyền.

❖ **Phòng Tổ chức - Hành chính:**

- Quản lý nhân sự, tham mưu và đề xuất cho Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc về tuyển dụng lao động, lập kế hoạch về sử dụng và bố trí lao động trong toàn Công ty theo từng năm và từng giai đoạn phát triển.
- Tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực tổ chức, lao động, tiền lương và các chế độ về BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ cho người lao động.
- Quản lý công tác BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ của toàn doanh nghiệp và an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh môi trường, an ninh của Công ty.
- Theo dõi quản lý cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường, giấy nghỉ phép năm cho CBCNV đi công tác, đi phép, đi khám và chữa bệnh theo quy định.
- Bố trí đón tiếp khác đến liên hệ công tác và các hội nghị lớn của Công ty.

- Quản lý công tác hành chính cơ quan, chuẩn bị cơ sở vật chất cho các cuộc họp hội nghị của Công ty.
- Quản lý con dấu và đóng dấu các loại văn bản theo quy định.
- Xây dựng, sửa đổi và trình Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc ký các quyết định về quy chế làm việc, quy định về sử dụng tiết kiệm điện, nước và chi phí văn phòng phẩm, nội quy của cơ quan, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quyết định, văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.
- Cung cấp thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo, thống nhất quản lý và sử dụng thông tin nội bộ cơ quan, ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý điều hành của lãnh đạo Công ty. Tổng hợp báo cáo và ghi nghị quyết các cuộc họp giao ban hàng tháng, quý, năm của Công ty.

- Soạn thảo các văn bản có liên quan để công tác tổ chức hành chính của Công ty, thi đua khen thưởng, kỷ luật, lập các văn bản báo cáo gửi cấp trên và nội bộ Công ty trên cơ sở nội dung nhiệm vụ của phòng được phân công.

❖ **Phòng Tài chính – Kế toán:**

- Lập kế hoạch tài chính hàng năm; kế hoạch tài chính trung và dài hạn của Công ty.
- Hướng dẫn công tác tài chính, kế toán, thống kê trong Công ty, thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo pháp luật của Nhà nước.
- Tổ chức quản lý các nguồn lực tài chính hiện có của Công ty hiệu quả theo quy định của pháp luật.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán trong toàn Công ty đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức công tác kê khai và nộp các loại thuế đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật.
- Tổ chức công tác thống kê đúng quy định của pháp luật.

❖ **Phòng Kỹ thuật:**

- Tổ chức triển khai thực hiện các quy trình, quy phạm kỹ thuật, lập hồ sơ thiết kế trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác cây cao su và các hoạt động của doanh nghiệp có liên quan. Tổ chức nghiệm thu các khâu công việc phục vụ SXKD và xây dựng cơ bản trong Công ty.
- Tham mưu, đề xuất phương án cải tiến kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức quản lý sử dụng đất của Công ty đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật.
- Đề xuất và chỉ đạo thực hiện các dịch vụ khác cho nhân dân, các thành phần kinh tế khác tham gia sản xuất kinh doanh với Công ty.
- Soạn thảo các loại văn bản có liên quan đến công tác kỹ thuật sản xuất, quản lý bảo vệ đất đai của Công ty. Lập báo cáo gửi cấp trên và trong nội bộ Công ty trên cơ sở nội dung thuộc nhiệm vụ của phòng.

❖ **Phòng Kinh doanh:**

- Là phòng tham mưu cho Giám đốc trong việc xây dựng kế hoạch tiếp thị quảng cáo và phát triển thương hiệu Công ty.

- Lập kế hoạch sản xuất và xây dựng phương án quản lý sản xuất trong doanh nghiệp
- Lập kế hoạch XD/CB trong doanh nghiệp cho từng năm và từng giai đoạn phát triển.
- Xây dựng hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật và hướng dẫn thực hiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong toàn Công ty.
- Tổ chức công tác nghiệm thu các khâu công việc trong quy trình sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ bản.

❖ Các đơn vị trực thuộc:

Các đơn vị trực thuộc hoạt động dưới sự chỉ đạo, điều hành trực tiếp của Ban Giám đốc và các phòng ban Công ty, thực hiện công tác và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty giao, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Căn cứ kế hoạch sản xuất được giao, đội, xưởng xây dựng kế hoạch thực hiện và trực tiếp quản lý, điều hành công nhân viên, người lao động của đơn vị để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ sản xuất được giao đảm bảo đạt và vượt định mức lao động; đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật; đúng và vượt tiến độ sản xuất do Công ty đề ra.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện quản lý bảo vệ tốt các loại tài sản, đất đai, trên địa bàn đơn vị được giao quản lý. Giữ gìn an ninh trật tự nơi làm việc và trên địa bàn.
- Phối hợp tốt với các phòng ban liên quan, với các cơ quan chức năng trong xử lý các vụ vi phạm lâm luật, trong tuyên truyền phổ biến pháp luật tới công nhân viên và nhân dân kịp thời.
- Tổ chức hướng dẫn cho người lao động thực hiện đúng quy trình kỹ thuật sản xuất, các biện pháp an toàn trong lao động sản xuất, phòng chống cháy nổ, đảm bảo giữ gìn vệ sinh môi trường nơi sản xuất, nơi ở và văn phòng đơn vị theo quy định.
- Vận động công nhân viên và người lao động làm tốt nhiệm vụ công ích với địa phương tại nơi cư trú. Xây dựng đời sống văn hoá mới tại khu dân cư, giữ gìn mối đoàn kết với nhân dân, phòng chống các tệ nạn xã hội.
- Được chủ động tuyển chọn lao động trực tiếp sản xuất tại đơn vị để thử việc sau khi đã xin ý kiến Giám đốc Công ty. Đánh giá chất lượng lao động, đề xuất khen thưởng, kỷ luật lao động do đơn vị quản lý.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác.

Đội trưởng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc là người chịu trách nhiệm chính về toàn bộ các nhiệm vụ, hoạt động của đơn vị mình như trên trước Giám đốc và trước pháp luật.

Tính đến thời điểm ngày 31/12/2016, Công ty có tổng cộng 12 đơn vị sản xuất: Đội Quyết Tiến, Đội Xây Dựng, Đội Thắng Lợi, Đội Tiên Phong, Đội Đoàn Kết, Đội Chiến Thắng, Đội Thống Nhất, Đội Xung Kích, Đội Tương Lai, Đội Quyết Thắng, Đội Độc Lập, Đội Sao Vàng.

Các đội đã giải thể, chuyển tài sản sang liên doanh với Tập đoàn Hòa Phát năm 2016 là: Đội Truyền Thống, Đội Dũng Cảm, Đội Hữu Nghị.

Ngoài ra Công ty còn có một số đơn vị trực thuộc khác:

- Nhà máy chế biến mù, địa điểm tại thị trấn Nông trường Việt Trung;
- Ban bảo vệ cơ động;

- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý, địa điểm tại khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới;
- Khách sạn Phú Quý, địa điểm: Đường Trương Pháp, thành phố Đồng Hới.

6. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang Công ty cổ phần

Dựa trên cơ sở nguồn lao động hiện có và kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, Công ty dự kiến sắp xếp lại toàn bộ lực lượng lao động. Cơ cấu lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (27/02/2017) cụ thể như sau:

Bảng số 2: Danh sách lao động tại thời điểm ban hành quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	767	100
1. Phân theo tính chất hợp đồng	767	100
- Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	08	1,04
- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	735	95,83
- Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	24	3,13
- Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	00	-
2. Phân theo trình độ lao động	767	100
- Đại học, trên Đại học	83	10,82
- Cao đẳng	06	0,78
- Trung cấp	24	3,13
- Công nhân kỹ thuật	654	85,27
- Lao động phổ thông	00	-
3. Phân theo giới tính	767	100
- Lao động nam	271	35,33
- Lao động nữ	496	64,67

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

Nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang loại hình Công ty cổ phần; dựa trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có và các quy định của pháp luật về lao động, chức năng nhiệm vụ của các phòng,

ban, xí nghiệp trực thuộc, Công ty dự kiến nhu cầu sử dụng lao động tại Công ty cổ phần là **767** người, cụ thể như sau:

Bảng số 3: Cơ cấu lao động dự kiến chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
Tổng số	767	100
1. Phân theo tính chất hợp đồng	767	100
– Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ	08	1,04
– Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	735	95,83
– Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 đến 36 tháng	24	3,13
– Lao động làm việc theo HĐLĐ dưới 12 tháng	00	-
2. Phân theo trình độ lao động	767	100
– Đại học, trên Đại học	83	10,82
– Cao đẳng	06	0,78
– Trung cấp	24	3,13
– Công nhân kỹ thuật	654	85,27
– Lao động phổ thông	00	-
3. Phân theo giới tính	767	100
– Lao động nam	271	35,33
– Lao động nữ	496	64,67

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

7. Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

7.1. Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp

- Theo Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình, Giá trị thực tế của doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là: 284.010.987.679 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bốn tỷ, không trăm mười triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi chín đồng*).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: 185.723.720.512 đồng

Tổng thực tế nợ phải trả là: 97.607.267.167 đồng

- Tài sản không đưa vào cổ phần hóa:

Tổng giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hóa (tính theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán):
 647.118.330 đồng:

+	Tài sản không cần dùng:	243.462.721 đồng
-	TSCĐ không cần dùng	2.341.346 đồng
-	Vật tư, hàng hóa ứ đọng, không cần dùng	241.121.375 đồng
+	Tài sản chờ thanh lý:	403.655.609 đồng

Bảng số 4: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: đồng

Chi tiêu		Số liệu kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A.	Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	196.008.868.024	269.503.709.479	73.494.841.455
I.	TSCĐ và đầu tư dài hạn	179.344.384.191	252.807.772.555	73.463.388.364
1.	Tài sản cố định	81.502.587.681	188.847.562.215	107.344.974.534
a.	Tài sản cố định hữu hình	81.502.587.681	188.847.562.215	107.344.974.534
b.	Tài sản cố định vô hình			
2.	Bất động sản đầu tư			
3.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	95.936.452.516	62.054.866.346	(33.881.586.170)
5.	Các khoản phải thu dài hạn	1.905.343.994	1.905.343.994	-
II.	TSLĐ và đầu tư ngắn hạn	16.664.483.833	16.695.936.924	31.453.091
1.	Tiền	429.692.886	429.692.886	-
	Tiền mặt tồn quỹ	50.719.240	50.719.240	-
	Tiền gửi ngân hàng	378.973.646	378.973.646	-
	Các khoản tương đương tiền			
2.	Đầu tư tài chính ngắn hạn			
3.	Các khoản phải thu	7.367.223.379	7.367.223.379	-
4.	Vật tư hàng hoá tồn kho	8.494.694.128	8.494.694.128	-
5.	TSLĐ khác	372.873.440	404.326.531	31.453.091
	CCDC đã phân bổ 100% giá trị	-	31.453.091	31.453.091
	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	372.873.440	372.873.440	-
6.	Chi phí sự nghiệp			-
III.	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN			-
IV.	Giá trị quyền sử dụng đất			-
B.	Tài sản không cần dùng	243.462.721	243.462.721	-
C.	Tài sản chờ thanh lý	403.655.609	403.655.609	-
1.	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	403.655.609	403.655.609	-
2.	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn			-

Chỉ tiêu		Số liệu kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
D.	Tài sản hình thành từ quỹ KTPL			-
E.	Tài sản cố định phục vụ công ích	14.507.278.200	14.507.278.200	-
F.	Tài sản cố định xin điều chỉnh nguồn			-
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)		211.163.264.554	284.658.106.009	73.494.841.455
Tổng giá trị thực tế doanh nghiệp (Mục A+E+F)		210.516.146.224	284.010.987.679	73.494.841.455
G1	Nợ thực tế phải trả	97.607.267.167	97.607.267.167	-
G2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	680.000.000	680.000.000	-
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP [(A+E+F)-(G1+G2)]		112.228.879.057	185.723.720.512	73.494.841.455

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH MTV Việt Trung tại thời điểm 31/12/2015)

8. Tài sản chủ yếu của doanh nghiệp

Tình hình đất đai

Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung sau khi chuyển sang công ty cổ phần như sau:

- Tổng diện tích đất Công ty giữ lại là 2.280,76 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 2.219,97 ha; đất phi nông nghiệp là 60,79 ha.

STT	Loại đất	Diện tích theo P.A sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt (Quyết định 1283/QĐ-UBND) (ha)	Diện tích xác định sau khi cổ phần hóa (Tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27/2/2017)		
			Diện tích giữ lại sau Cổ phần hóa (ha)	Diện tích bàn giao cho Dự án chăn nuôi bò thịt CNC Hòa Phát (ha)	Diện tích dự kiến bàn giao về cho địa phương quản lý (ha)
(1)	(2)	(3)	(6)	(4)	(5)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT	2.940,56	2.280,76	614,44	45,36
1	Đất nông nghiệp	2.838,56	2.219,97	572,16	
1.1	Đất trồng cây hàng năm	0,58			
1.2	Đất trồng cây lâu năm	2.809,22	2.214,40	567,49	
1.3	Đất rừng sản xuất	18,39			
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	10,37	5,57	4,67	
2	Đất phi nông nghiệp	102,00	60,79	42,28	
2.1	Đất trụ sở công ty nông, lâm nghiệp	3,16	7,89	0,93	
2.2	Đất thương mại, dịch vụ; cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	8,93	4,45		
2.3	Đất xây dựng công trình hạ tầng	88,79	47,47	41,35	
2.3.1	Đất giao thông	54,70	35,42	19,28	
2.3.2	Đất thủy lợi	34,09	12,05	22,07	
2.4	Đất có mặt nước chuyên dùng	1,12	0,98		

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung)

Tình hình tài sản cố định

Bảng số 5: Tài sản cố định và đầu tư dài hạn tại thời điểm 31/12/2015

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ và đầu tư dài hạn đang sử dụng	271.241.547.277	179.344.384.191	366.976.094.740	252.807.772.555
I	Tài sản cố định hữu hình	173.399.750.767	81.502.587.681	303.015.884.400	188.847.562.215
1	Nhà cửa vật kiến trúc	90.968.470.318	58.531.666.729	158.944.661.065	84.343.607.345
2	Máy móc thiết bị	16.902.496.964	3.708.257.290	16.902.496.964	5.032.573.012
3	Phương tiện vận tải	8.191.824.918	1.200.348.784	8.191.824.918	2.407.186.577
4	TSCĐ khác	922.202.610	494.077.807	922.202.610	499.117.847
5	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.875.408.903	497.200.899	1.875.408.903	714.213.061
6	Vườn cây cao su	54.539.347.054	17.071.036.172	116.179.289.940	95.850.864.373
II	TSCĐ vô hình	0	0	0	0
III	Chi phí XDCB dở dang(vườn cây cao su thời kỳ KTCB)	95.936.452.516	95.936.452.516	62.054.866.346	62.054.866.346
IV	Chi phí trả trước dài hạn	1.905.343.994	1.905.343.994	1.905.343.994	1.905.343.994
B	TSCĐ không cần dùng	146.675.459	2.341.346	146.675.459	2.341.346
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0	0
2	Máy móc, thiết bị	44.507.273	2.341.346	44.507.273	2.341.346
3	Phương tiện vận tải	0	0	0	0
4	TSCĐ khác + TBDCQL	102.168.186	0	102.168.186	0
C	TSCĐ chờ thanh lý	15.255.322.906	403.655.609	15.255.322.906	403.655.609
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0	0
2	Máy móc, thiết bị	88.347.000	0	88.347.000	0
3	Phương tiện vận tải	516.304.999	0	516.304.999	0
4	TSCĐ khác, TBDCQL	0	0	0	0
5	Vườn cây cao su	14.650.670.907	403.655.609	14.650.670.907	403.655.609

D	TSCĐ hình thành từ Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	0	0	0	0
E	TSCĐ phục vụ công ích	25.904.619.727	14.507.278.200	25.904.619.727	14.507.278.200
F	TSCĐ xin điều chỉnh nguồn	0	0	0	0
	Tổng cộng	312.548.165.369	194.257.659.346	408.282.712.832	267.721.047.710

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc

Bảng số 6: Thống kê tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính đến thời điểm 31/12/2015

Đơn vị tính: Đồng

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị thực tế	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Giá trị còn lại
A	Khu văn phòng	31,885,407,803	13,552,005,306	51,919,283,801	26,823,199,795
1	Nhà ở các đơn vị	326.756.503	8.157.493	590.291.559	196.819.819
2	Nhà máy chế biến	7.813.775.338	2.304.238.040	14.737.948.332	5.797.701.410
3	Văn phòng Công ty	12.531.835.817	7.080.352.923	19.197.489.645	10.796.986.818
4	Đội Tiền Phong	452.069.999	4.493.003	840.412.954	272.764.068
5	Đội Chiến Thắng	264.754.007	3.246.530	564.980.834	190.808.548
6	Đội Xung Kích	660.681.866	221.943.675	951.834.349	449.339.471
7	Đội Quyết Tiến	413.703.788	10.179.508	814.771.152	398.785.518
8	Đội Thắng Lợi	100.892.932	0	303.687.725	91.106.317
9	Đội Đoàn Kết	275.562.616	3.246.529	562.430.133	189.043.057
10	Đội Quyết Thắng	346.786.873	79.944.352	644.655.482	269.194.106
11	Đội Sao Vàng	285.260.121	24.877.365	729.433.885	245.142.615
12	Trụ sở BCVD và đội Thắng Lợi	2.290.840.552	1.218.724.329	2.938.424.204	1.726.968.116
13	Đội Xây Dựng	502.738.550	33.009.811	991.059.981	440.243.618
14	Đội Tương Lai	490.658.050	0	726.173.914	217.852.174
15	Đội Độc Lập	858.925.731	402.377.900	1.509.061.977	708.156.525
16	Đội Thống Nhất	905.288.752	509.649.329	1.250.327.291	786.202.116
17	Đội Truyền Thống	499.800.067	112.043.581	744.286.500	744.286.500
18	Đội Hữu Nghị	1.107.075.605	593.265.437	1.648.622.085	1.648.622.085
19	Đội Dũng Cảm	378.124.723	10.179.508	563.091.415	563.091.415

20	Nhà trẻ các đơn vị	1.136.008.925	888.974.333	1.187.129.327	949.703.462
21	Đường giao thông	243.866.918	43.101.660	423.171.057	140.382.037
B	Nhà máy chế biến gỗ Phú Quý	26.866.748.424	20.005.763.074	53.268.310.356	25.302.690.098
1	Phân xưởng Nguyên liệu	3.698.855.585	2.156.434.679	5.947.811.982	3.087.424.373
2	Phân xưởng tinh chế	23.167.892.839	17.849.328.395	47.320.498.374	22.215.265.725
C	Khách sạn Phú Quý	32.216.314.091	24.973.898.349	53.757.066.908	32.177.717.452
Tổng cộng		90.968.470.318	58.531.666.729	158.944.661.065	84.303.607.345

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

Tình hình máy móc, thiết bị

Bảng số 7: Tình hình máy móc, thiết bị của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

TT	Tên tài sản	Giá trị sổ kế toán		Theo đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	Văn phòng Công ty	6.577.639.783	884.920.467	6.577.639.783	1.932.627.550
B	Nhà máy chế biến gỗ Phú Quý	9.253.768.859	2.327.369.754	9.253.768.859	2.564.401.301
1	Phân xưởng nguyên liệu	120.012.039	69.900.620	120.012.039	75.632.953
2	Phân xưởng tinh chế	9.133.756.820	2.257.469.134	9.133.756.820	2.488.768.348
C	Khách sạn Phú Quý	1.071.088.322	495.967.069	1.071.088.322	535.544.161
1	Máy phát điện Elemax - sht 25 Đ	248.242.958	107.737.407	248.242.958	124.121.479
2	Hệ Thống điều hòa	690.909.000	325.980.329	690.909.000	345.454.500
3	Thiết bị âm thanh	131.936.364	62.249.333	131.936.364	65.968.182
Tổng cộng		16.902.496.964	3.708.257.290	16.902.496.964	5.032.573.012

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp)

9. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của Công ty, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký.

- ❖ Danh sách Công ty mẹ: Không có.
- ❖ Danh sách Công ty con: Không có.
- ❖ Danh sách Công ty liên kết:

Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình

- Địa chỉ: Tiểu khu Hữu Nghị, Thị trấn nông trường Việt Trung, Huyện Bố Trạch, Tỉnh Quảng Bình;
- Hoạt động kinh doanh chính: Chăn nuôi trâu, bò; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa); và động vật sống; ...
- Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng (Ba trăm tỷ đồng)
- Vốn góp của Công ty TNHH MTV Việt Trung tại Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình là 81,84 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 27,28%.
- Việc đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình theo quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08/01/2016 của chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt giá trị tài sản trên đất của Công ty TNHH MTV Việt Trung để góp vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình.

10. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa

10.1. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

📊 Cơ cấu doanh thu giai đoạn năm 2013 - 2016

Bảng số 8: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn năm 2013 – 2016

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (tr.đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.530,1	93,45	59.933,6	92,47	44.911,1	89,5	32.271,9	85,17
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>112.598,50</i>	<i>88,74</i>	<i>49.892,20</i>	<i>76,98</i>	<i>39.179,70</i>	<i>77,15</i>	<i>30.380,10</i>	<i>80,18</i>
Doanh thu từ sản phẩm mù cao su	90.407,90	71,25	19.695,10	30,39	20.586,30	40,54	11.902,20	31,41
Doanh thu từ sản phẩm gỗ	22.190,60	17,49	30.197,10	46,59	18.593,40	36,61	18.477,90	48,76
<i>Doanh thu</i>	<i>5.931,6</i>	<i>4,71</i>	<i>10.041,4</i>	<i>15,49</i>	<i>5.731,4</i>	<i>19,3</i>	<i>1.891,7</i>	<i>4,99</i>

<i>cung cấp dịch vụ</i>								
Hoạt động tài chính	364,66	0,29	99,62	0,15	3,43	0,01	1,44	0,004
Thu nhập khác	7.989	6,26	4.782,1	7,38	5.869,7	10,49	5.618,8	14,82
Tổng cộng	126.883,76	100	64.815,32	100	50.784,23	100	37.892,14	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Doanh thu của Công ty trong những năm qua có xu hướng giảm, đặc biệt là doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2013 đạt 126,88 tỷ đồng (trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 118,53 tỷ đồng). Năm 2014, tổng doanh thu của công ty đạt 64,81 tỷ đồng (doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là: 59,93 tỷ đồng), giảm 48,92% so với năm 2013. Nguyên nhân là do cơn bão số 10 và 11 năm 2013 đã gây thiệt hại nặng nề đến 2.000 ha vườn cây cao su khai thác của Công ty. Huyện Bồ Trách là địa phương bị thiệt hại nặng nề nhất của toàn tỉnh với trên 4.500 ha bị gãy đổ, cùng với thời gian đó là giá cao su trên thị trường liên tục giảm, dẫn đến doanh thu của Công ty giảm mạnh trong năm 2014, 2015.

Mặc dù năm 2016 tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su; sản lượng cao su đạt thấp, giá mủ cao su trên thị trường giảm sâu và ảnh hưởng sự cố môi trường biển, nhưng với quyết tâm của tập thể cán bộ, công nhân, lao động Công ty đã vượt qua khó khăn, thách thức, tự lực, năng động, sáng tạo, xử lý tốt tình huống trong sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường và tình hình thực tế. Tổng doanh thu năm 2016 của Công ty là 37,89 tỷ đồng, bằng 74,61% so với năm 2015. Công ty đã khai thác được 1.606 tấn mủ cao su, với hàm lượng bình quân đạt 26,41%, trong đó: mủ khô trong phòng là 486 tấn, đạt 109,5% kế hoạch năm và mủ khô hàng hóa đạt 464,4 tấn. Ngoài ra, Công ty hiện đang chăm sóc 951 ha cao su; trồng dặm 118,27 ha cao su tại các đơn vị (Quyết Tiến, Thống Nhất, Xung Kích và Tương lai); khối lượng cưa xẻ gỗ 1.207m³.

✚ Kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm trước cổ phần hóa

Bảng số 9: Kết quả kinh doanh của Công ty trước cổ phần hóa

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	126.883,76	64.815,32	50.784,23	37.883,6
2	Tổng Chi phí	Triệu đồng	124.796,86	64.725,98	78.782,8	50.771,9
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.086,90	89,34	-27.998,6	-12.888,3
4	Thuế TNDN	Triệu đồng	521,74	19,64	0	0
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.565,2	69,65	-27.998,6	-12.888,3
	- Tốc độ tăng trưởng	%	/	-95,55	-40.299	53,9
6	Số lao động bình quân	Người	1.495	1.360	1.207	767

7	Các khoản phải nộp ngân sách	Triệu đồng	4.512,0	4.014,0	3.107,6	2.952,7
	- <i>Tốc độ tăng trưởng</i>	%	/	-11,03	-22,6	-4,9
8	Nợ phải trả	Triệu đồng	38.020,3	64.572,3	97.607,2	116.931,6
9	Nợ phải thu	Triệu đồng	5.657,8	11.870,46	7.367,2	6.819,6
	- <i>Trong đó: Nợ khó đòi</i>	Triệu đồng	0	0	0	0

(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

10.2. Nguyên vật liệu

- *Nguồn nguyên vật liệu:*

- **Cây giống:** với mục tiêu phát triển vững mạnh trong các lĩnh vực trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến, tiêu thụ mủ cao su và nâng cao hiệu quả công tác trên địa bàn tỉnh, Công ty đã và đang triển khai thực hiện các dự án như trồng mới cây cao su, đồng thời thiết lập mối quan hệ khách hàng gắn bó với các cơ sở cung ứng hạt/ cây giống và phân bón có uy tín trên địa bàn tỉnh và các tỉnh bạn nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu có chất lượng cao, có phẩm chất di truyền phù hợp với điều kiện sinh thái của tỉnh Quảng Bình.

- **Phân bón:** phân bón NPK, đạm, lân, hóa chất, ... Công ty mua thông qua các nhà cung cấp có uy tín nhằm đảm bảo chất lượng và sự ổn định của sản phẩm.

- **Nguyên nhiên liệu khác:** Các nguyên vật liệu dùng cho việc chế biến mủ cao su, Công ty mua của các nhà cung cấp trên địa bàn.

Bảng số 10: Danh sách các nhà cung cấp của Công ty

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, nguyên liệu cung cấp
1	Công ty CP vật tư nông nghiệp Quảng Bình	Phân bón
2	Công ty cổ phần Tổng Công ty Sông Gianh	Phân bón
3	Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Cao su Tiểu điền	Giống cao su
4	Công ty TNHH Điện Giang	Vật tư chế biến mủ cao su
5	Công ty TNHH Cơ khí - Xây dựng TM Vinh Phát	Phụ tùng máy chế biến mủ cao su
6	Công ty TNHH MTV Quế Lâm Miền Trung	Phân bón
7	Cty TNHH TM Hưng Phát Thành	Hóa chất
8	Công ty TNHH xăng dầu Minh Chiến	Diezen
9	Công ty xăng dầu Quảng Bình	Diezen

- *Sự ổn định của nguồn nguyên vật liệu:*

- Nhìn chung, nguyên vật liệu phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty khá phổ biến trên thị trường,. Các loại hóa chất phục vụ chế biến mủ, chế biến gỗ; các loại phân bón chuyên dùng cho cây cao su được mua từ các nhà cung cấp có uy tín. Công ty còn chủ động được nguồn nguyên liệu nên Công ty có nhiều thuận lợi, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công

ty.

- Các loại thuốc bảo vệ thực vật mua của trạm bảo vệ thực vật thuộc Chi cục bảo vệ thực vật thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Do đó, có thể nói Công ty TNHH một thành viên Việt Trung có nguồn cung cấp nguyên, nhiên vật liệu ổn định, giúp Công ty chủ động được trong sản xuất, đảm bảo phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty. Đối với các bạn hàng, nhà cung cấp, Công ty thiết lập và duy trì được mối quan hệ uy tín và khăng khít với các nhà cung ứng đảm bảo sự ổn định và phát triển lâu dài của Công ty.

• *Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:*

Do đặc thù trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng khá cao trong cơ cấu giá vốn hàng bán của Công ty. Do đó, khi giá cả nguyên vật liệu biến động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Hoạt động trồng rừng chủ yếu là chi phí nhân công. Chi phí nguyên vật liệu cho trồng rừng chủ yếu là phân bón và cây giống. Công ty tự tổ chức gieo ươm cây giống để phục vụ cho trồng rừng, chủ động nguồn phân bón cho hoạt động trồng rừng. Do vậy, giá cả nguyên vật liệu của Công ty khá ổn định, ít có sự biến động mạnh.

10.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu quan trọng đối với Công ty TNHH một thành viên Việt Trung, do đó vấn đề tiết kiệm các chi phí, đặc biệt là chi phí phát sinh trong khâu sản xuất đang hết sức được coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm như sau:

Bảng số 11: Cơ cấu Chi phí sản xuất giai đoạn 2013 –2016

Khoản mục	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng/ TDT
Giá vốn hàng bán	106.703,70	84,10%	55.962,93	86,34%	60.560,20	119,25%	32.855,80	86,73%
Chi phí QLDN	14.173,46	11,17%	6.324	9,76%	12.397,40	24,41%	10.433,40	27,54%
Chi phí bán hàng	745,88	0,59%	856,43	1,32%	516,4	1,02%	273,8	0,72%
Chi phí tài chính	223,42	0,18%	850,44	1,31%	3.948,40	7,77%	4.462,20	11,78%
Chi phí khác	2.950,40	2,33%	732,18	1,13%	1.360,40	2,68%	2.746,70	7,25%
Tổng Chi phí	124.796,86	98,36%	64.725,98	99,86%	78.782,80	155,13%	50.771,90	134,02%

(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Nhìn chung, Tổng chi phí chiếm tỷ trọng rất cao trên Tổng doanh thu. Trong 02 năm 2013, 2014, tỷ trọng Tổng chi phí/ Tổng doanh thu chiếm bình quân khoảng 99%. Năm 2015, Tổng chi phí chiếm 155,13% và 134% trong năm 2016 so với Tổng doanh thu của công ty. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng chi phí, bình quân khoảng 86% so với Tổng doanh thu, cá biệt năm 2015, chi phí giá vốn hàng bán bằng 1,19 Tổng doanh thu của công

ty. Cơ cấu chi phí của Công ty cho thấy chi phí hoạt động rất cao. Chi phí quản lý qua các năm đều tăng nhưng tổng doanh thu lại giảm dần. Trong thời gian tới, Công ty sẽ phải kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn nữa để gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ngoài Giá vốn hàng bán thì Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng khá lớn, trong 2 năm 2015, 2016, chi phí quản lý doanh nghiệp bằng 24,4% – 27,5% so với Tổng doanh thu của Công ty. Các chi phí khác cũng có sự biến động thay đổi qua các năm và chiếm tỷ trọng nhỏ không lớn.

10.4. Trình độ công nghệ

Công ty đã nỗ lực cải tiến nâng cao năng suất, đầu tư vào cơ giới hóa lâm nghiệp và áp dụng các sản phẩm, thiết bị công nghệ vào hoạt động sản xuất;

Sản xuất sơ chế mù cao su:

- + Hiện tại Công ty đang sản xuất sơ chế mù cao su sử dụng công nghệ sản xuất mù cốm của Tập đoàn công nghệ cao su Việt Nam được chuyển giao từ công nghệ sản xuất mù cốm của Malaysia. Công nghệ sản xuất trên dây chuyền thiết bị bằng hệ thống lò đứng 2 lớp. Sản phẩm là mù cốm hạng SVR3L và 3VR10.
- + Sản phẩm mù cốm sản xuất của Công ty được công bố và đăng ký chứng nhận chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 3769:2004.
- + Hướng phát triển trong những năm tới, Công ty sẽ nâng cấp dây chuyền thiết bị, lắp đặt thêm hệ thống lò sấy nằm 1 lớp để nâng cao chất lượng sản phẩm và tiết kiệm nhiên liệu, góp phần hạ giá thành sản phẩm.
- + Trong tương lai Công ty sẽ đa dạng hóa sản phẩm mù sơ chế, sản xuất thêm mù cốm SVR5L, SVR5.

Chế biến gỗ: Công ty đang sử dụng dây chuyền chế biến gỗ nhập khẩu từ Đài Loan. Tuy vậy, máy móc thiết bị của Công ty được đầu tư khá lâu, nhiều thiết bị đã lạc hậu, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng phát sinh lớn. Trong tương lai những thiết bị lạc hậu (nhất là đối với chế biến gỗ) sẽ được thay thế bằng các thiết bị mới, hiện đại hơn nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất các sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao phục vụ xuất khẩu.

10.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Đến nay, Công ty cũng đã hoàn thành góp vốn bằng tài sản trên đất vào Công ty TNHH chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình với số vốn 81,84 tỷ đồng (bằng 27,3% vốn điều lệ) và đang làm thủ tục để bàn giao 614,44 ha đất.

Công ty đang nghiên cứu phát triển sản phẩm mới là sản xuất chế biến tinh bột nghệ hướng tới sản xuất thực phẩm chức năng Curcumin.

Thực hiện Dự án trồng cây nghệ vàng, Công ty đang qui hoạch xây dựng vùng nguyên liệu. Bắt đầu từ năm 2017, Công ty tiến hành trồng thử nghiệm các giống nghệ vàng trên diện tích đại trà, nếu thành công sẽ nhân giống và tiến hành trồng qua các năm để đến năm 2020 đạt diện tích dự kiến khoảng 400-500 ha. Đồng thời sẽ xây dựng nhà máy sơ chế sản xuất tinh bột nghệ. Trong trường hợp, hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả thì sẽ tiến tới tìm hiểu công nghệ, nghiên cứu thị trường để đưa dây chuyền công nghệ sản xuất thực phẩm chức năng

Curcumin từ tinh bột nghệ, nhằm đa dạng hóa ngành nghề tạo việc làm cho người lao động, tăng thêm thu nhập và tạo phúc lợi xã hội.

10.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện tại Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2008, thời gian hiệu lực từ 01/9/2015 - 31/8/2018. Đối với sản phẩm mũ cao su SVR3L, SVR10 áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 3769 : 2004.

Bộ phận kiểm tra chất lượng: Bộ phận kiểm tra chất lượng gồm 2 cấp: Cấp Công ty và cấp đơn vị trực thuộc.

- + Cấp Công ty: Ban KCS Công ty.
- + Cấp đơn vị: Tiểu ban (tổ) KCS đơn vị.

Bộ phận kiểm tra chất lượng có nhiệm vụ kiểm tra toàn bộ vật tư, nguyên nhiên liệu nhập vào phục vụ cho sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất xưởng, xuất bán cho khách hàng.

10.7. Hoạt động Marketing

Do đặc thù sản phẩm, mục tiêu sản xuất kinh doanh, chủng loại sản phẩm và khối lượng sản phẩm sản xuất hàng năm không lớn, về cơ bản, Công ty không có bộ phận chuyên triển khai Marketing. Hoạt động giới thiệu sản phẩm thường thông qua sự giới thiệu của các cấp quản lý và các khách hàng truyền thống và thông qua các kênh gián tiếp khác như thông tin cho các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong tỉnh để có thông tin chung về giá cả và thị trường.

10.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Với đặc thù là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực trồng và khai thác, chế biến, tiêu thụ mũ cao su, hiện tại, Công ty chưa đăng ký hình ảnh logo, nhãn hiệu riêng.

Trong thời gian tới, sau khi chuyển sang mô hình hoạt động công ty cổ phần, Công ty sẽ tiến hành đăng ký hình ảnh và nhãn hiệu cho sản phẩm của công ty.

10.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Là một doanh nghiệp trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mũ cao su, chế biến gỗ nguyên liệu, gỗ thành phẩm từ nguyên liệu rừng trồng, do đó các hợp đồng lớn của Công ty chủ yếu là cung cấp mũ cao su và gỗ. Năm 2016 các hợp đồng lớn của Công ty bao gồm:

Bảng số 12: Thống kê các hợp đồng cung ứng sản phẩm dịch vụ đang được thực hiện hoặc đã ký kết tính đến nay

TT	Khách hàng	Sản phẩm cung cấp	Thời gian thực hiện	Trị giá (đồng)
1	Công ty TNHH Bình Thịnh	Mũ cao su	Năm 2017	10.000.000.000
2	Công ty TNHH Trường Sinh	Mũ cao su	Năm 2017	10.000.000.000
3	Công ty TNHH Hoàng Lâm	Sản phẩm gỗ	Năm 2017	4.000.000.000
4	Công ty TNHH gỗ Khang My	Sản phẩm gỗ	Năm 2017	3.000.000.000

5	Công ty TNHH MTV Tiên Hùng	Sản phẩm gỗ	Năm 2017	3.000.000.000
---	----------------------------	-------------	----------	---------------

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung)

11. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước khi cổ phần hóa

Bảng số 13: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1. Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	200.212,12	210.429,18	284.010,9	275.541,2
2. Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	162.191,83	145.856,89	186.408,7	158.609,6
3. Nợ ngắn hạn	Triệu đồng	38.020,3	64.572,29	85.639,3	104.963,7
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
4. Nợ dài hạn	Triệu đồng	0	0	11.967,9	11.967,9
Trong đó, nợ quá hạn	Triệu đồng	0	0	0	0
5. Nợ phải thu khó đòi	Triệu đồng	0	0	0	0
6. Tổng số lao động	người	1.495	1.360	1.207	767
7. Tổng quỹ lương	Triệu đồng	77.928	48.505	31.382	22.089
8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Triệu đồng/người	5,2	3,6	2,6	2,4
9. Tổng doanh thu	Triệu đồng	126.883,76	64.815,32	55.784,23	37.883,60
10. Tổng chi phí	Triệu đồng	124.796,82	64.726,03	78.782,8	50.771,90
11. Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	2.086,94	89,29	-27.998,6	-12.888,30
12. Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	1.565,2	69,65	-27.998,6	-12.888,30
13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	0,965	0,0479	-15,01	-8,1

(Nguồn: BCTC kiểm toán các năm 2014, 2015, 2016 của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

12. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm trước cổ phần hóa

Thuận lợi

Do đặc thù là hoạt động sản xuất kinh doanh là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su, thực hiện các chính sách phát triển ngành cao su của Nhà nước, Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, sự chỉ đạo của Đảng bộ Công ty, của Ban Giám đốc, cùng các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sản xuất, cán bộ công nhân viên đoàn kết thống nhất, tự giác có trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu tại địa phương, Công ty có đội ngũ lao động lành nghề, nguồn khách hàng tiêu thụ ổn định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo.

Công ty còn rà soát và phân tích định mức vật tư, phát hiện những chênh lệch vượt định mức để có biện pháp xử lý kịp thời.

Khó khăn

Tình hình kinh tế xã hội diễn biến phức tạp, đã tác động đến kết quả hoạt động SXKD, nhất là tiêu thụ mủ cao su và chế biến gỗ. Tình trạng nguồn kinh phí hạn chế đã dẫn đến việc cắt giảm các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động đầu tư khác, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khó khăn đặc thù sản xuất kinh doanh của ngành khai thác mủ cao su là phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, tài sản phân bố rộng, phân tán trên địa hình đồi núi phức tạp, việc quản lý gặp nhiều khó khăn nhất là công tác bảo vệ sản phẩm luôn diễn biến phức tạp ở nhiều thời điểm, nhiều nơi.

Vườn cây cao su là tài sản ngoài trời do đó chịu nhiều rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn.

Giá cả mủ cao su biến động phụ thuộc thị trường thế giới ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức độ biến động giá cả do cung cầu thị trường điều phối kém hoặc do các Công ty xuất khẩu không ký hợp đồng với các nước nhập khẩu.

Khả năng tiếp cận thông tin thị trường của các doanh nghiệp kinh doanh mủ cao su ở Việt Nam còn kém là nguyên nhân quan trọng làm cho thị trường tiêu thụ mủ cao su kém hiệu quả. Việt Nam chưa xây dựng được quy chuẩn quốc gia về nguyên liệu mủ cao su, do đó thường xuyên xảy ra các hành vi pha trộn tạp chất làm giảm chất lượng nguyên liệu mủ cao su, ảnh hưởng đến uy tín của ngành cao su Việt Nam trên thị trường thế giới.

Trong thời gian vừa qua, từ năm 2014-2016, doanh thu của công ty giảm mạnh nguyên nhân là do cơn bão số 10 và 11 năm 2013 đã gây thiệt hại nặng nề đến 2.000 ha vườn cây cao su đang khai thác của Công ty hầu hết các cây cao su bị gãy đổ không thể khai thác được mủ. Cùng với thời gian đó là giá cao su trên thị trường liên tục giảm, dẫn đến doanh thu của Công ty giảm mạnh trong năm 2014, 2015.

Sang năm 2016 tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su, thiếu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh nên việc đầu tư thiết bị, phân bón bị hạn chế dẫn đến sản lượng mủ cao su đạt thấp, giá mủ cao su trên thị trường giảm sâu ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh của công ty giảm mạnh.

13. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong ngành

13.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty TNHH một thành viên Việt Trung quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trước năm 2013, Công ty TNHH một thành viên Việt Trung có 1.600 người lao động, với diện tích và sản lượng cao su khổng lồ. Mỗi năm, nông trường thu được trên 2.700 tấn cao su, thu nhập của công nhân bình quân 5,6 triệu đồng/tháng. Hơn thế, diện tích cây cao su của Công ty không ngừng được mở rộng, số lượng cây cao su chuẩn bị cho thu hoạch lớn, mở ra những tiềm năng, dự định mới cho người lao động.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do bị ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão lớn cuối năm 2013, Công ty đang ngày càng nỗ lực khôi phục hiệu quả, năng suất trong lĩnh vực trồng cây cao su.

Xét về quy mô, năng suất lao động, sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, trình độ quản lý, sản xuất, số lượng người lao động của Công ty thì vị thế của Công ty khá tương đồng với một số doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

13.2. Triển vọng phát triển ngành

Hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng.

Tiếp tục sắp xếp đổi mới Công ty nhằm góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động, phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo môi trường sinh thái bền vững, góp một phần không nhỏ vào kim ngạch xuất khẩu cả nước. Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

13.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Qua vị trí, nhiệm vụ chức năng của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung và định hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và các năm tiếp theo là phù hợp, thuận lợi cho việc sản xuất gắn liền với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, chế biến mủ cao su, sản phẩm Công ty sản xuất ra tiêu thụ được ngay, giá thành hợp lý. Đây là yếu tố thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Tổ chức quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang Công ty cổ phần.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Việt Trung nhằm đạt được mục tiêu và ý nghĩa sau đây:

- Thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa của Nhà nước, trong đó, cổ phần hóa là nội dung quan trọng để chuyển đổi những công ty 100% vốn Nhà nước sang loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động các nguồn vốn của cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội trong nước và ngoài nước để tăng cường năng lực tài chính, đổi mới công nghệ, đổi mới phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của mỗi doanh nghiệp và cả nền kinh tế.
- Tạo điều kiện huy động vốn từ nhiều nguồn để đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, ổn định và phát triển doanh nghiệp.
- Tạo điều kiện cho người lao động có cổ phần và các cổ đông công ty trở thành người chủ thực sự của doanh nghiệp. Tăng cường sự giám sát của nhà đầu tư đối với doanh nghiệp, minh bạch hóa hoạt động của doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp bảo đảm hài hòa các lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.
- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, lợi ích của cổ đông và Công ty.
- Không ngừng phát triển doanh nghiệp về mọi mặt nhằm nâng cao giá trị cổ phần, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động cũng như lợi tức của các cổ đông và tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước góp phần tăng trưởng nền kinh tế của đất nước.

2. Điều kiện cổ phần hóa

- Công ty TNHH một thành viên Việt Trung luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình và các cơ quan ban ngành của Tỉnh. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;
- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần;
- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;
- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá, sẵn sàng tham gia góp vốn mua cổ phần, tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty là “Bán bớt phần vốn Nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”.

4. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Giá trị thực tế Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 là **284.010.987.679** đồng

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả là: **97.607.267.167** đồng
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là: **185.723.720.512** đồng (*Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ngàn, năm trăm mười hai đồng*).

Căn cứ:

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Kế hoạch đầu tư và khả năng tự tài trợ vốn của Công ty cho các kế hoạch đầu tư;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của bộ máy quản lý của Công ty;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.
- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến : **185.723.720.000 đồng**
(*Bằng chữ: Một trăm tám mươi lăm tỷ, bảy trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng*)
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần : 18.572.372 cổ phần

✚ Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

Công ty TNHH một thành viên Việt Trung đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức **65% vốn điều lệ** tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ là 12.072.042 cổ phần, tương đương 120.720.420.000 đồng tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

Bảng số 14: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến sau cổ phần hóa

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Vốn Nhà nước	12.072.042	120.720.420.000	65,00%
2	Bán ưu đãi cho CBCNV	687.000	6.870.000.000	3,70%
2.1	<i>Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại Khu vực Nhà nước</i>	687.000	6.870.000.000	3,70%

2.2	Mua theo thời gian cam kết làm việc tại CTCP	-	-	0,00%
3	Bán cho Công đoàn	-	-	0,00%
4	Bán cho Nhà đầu tư chiến lược	-	-	0,00%
5	Bán đấu giá cổ phần lần đầu (IPO)	5.813.330	58.133.300.000	31,30%
	Tổng cộng	18.572.372	185.723.720.000	100,00%

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

5. Thông tin doanh nghiệp sau cổ phần hóa

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT TRUNG QUẢNG BÌNH**
- Tên tiếng Anh: VIET TRUNG QUANG BINH JOINT STOCK COMPANY;
- Tên viết tắt: VIETTRUNG JSC
- Địa chỉ Trụ sở chính: Thị trấn Nông trường Việt Trung, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.
- Điện thoại: 0232.3796003 Fax : 0232.3796060
- Website: Viettrungqb.com.vn

6. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

Sau cổ phần hóa, Công ty vẫn xác định ngành nghề trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su vẫn là ngành nghề sản xuất chính. Đây là ngành mà Công ty đã có kinh nghiệm 56 năm, cây cao su đã khẳng định có hiệu quả cao trên vùng đất Công ty đang sản xuất.

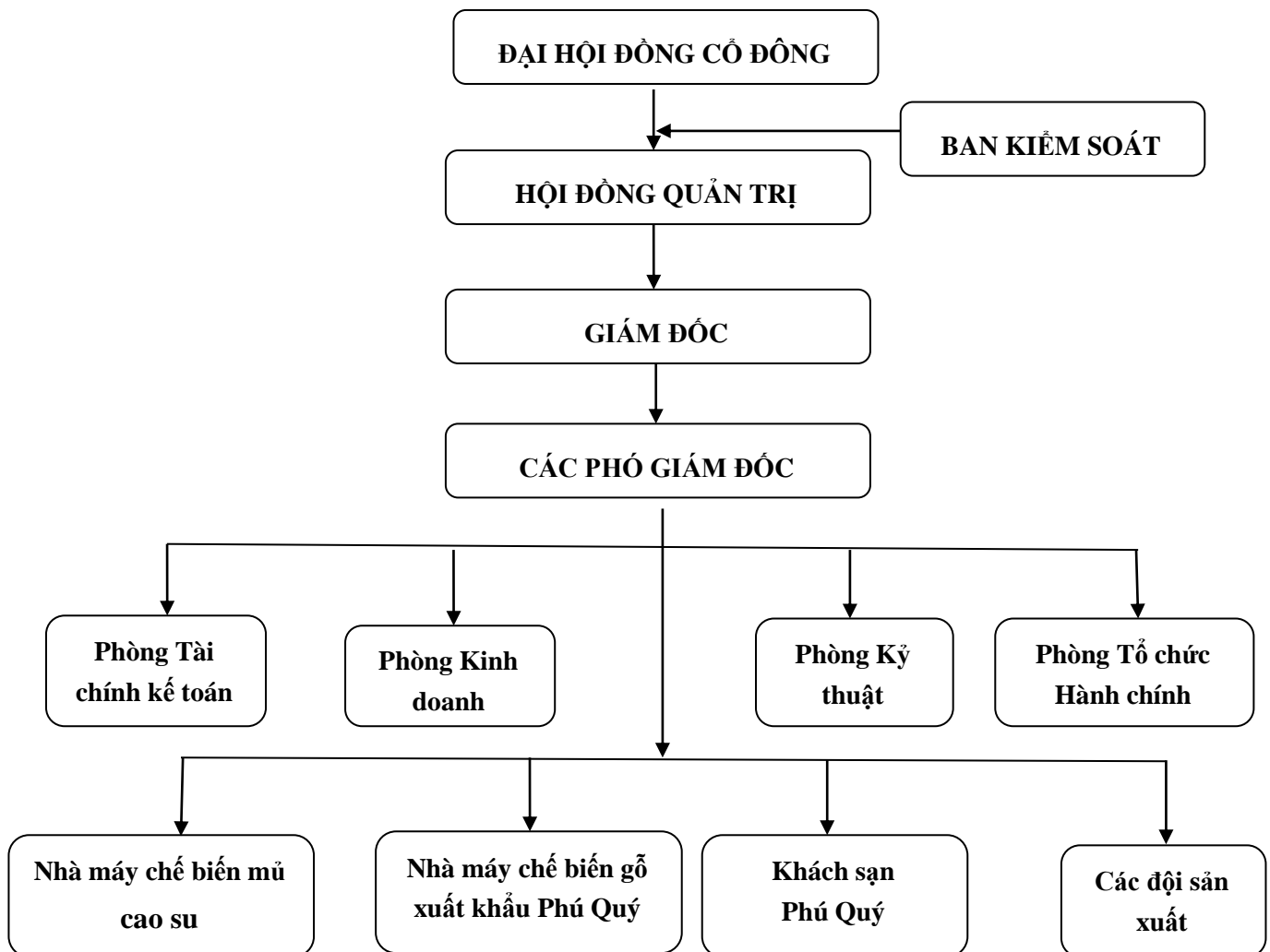
Bảng số 15: Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Trồng, chăm sóc, khai thác chế biến và tiêu thụ mủ cao su; Sản xuất và cung ứng giống cây cao su	01250
2	Chế biến và tiêu thụ gỗ rừng trồng	16291
3	Kinh doanh khách sạn	55101
4	Các ngành nghề khác được UBND tỉnh chấp thuận	

(Nguồn : Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

7. Cơ cấu tổ chức Công ty sau cổ phần hóa

Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức Công ty sau khi cổ phần hóa



(Nguồn : Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

Công ty cổ phần Việt Trung Quảng Bình hoạt động theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc.

Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:**

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Hội đồng quản trị:**

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người

quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty đồng thời là Chủ tài khoản của Công ty.

- **Ban Kiểm soát:**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- **Ban giám đốc Công ty:**

Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong Công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- **Các phòng ban chức năng, các đội sản xuất và các đơn vị trực thuộc Công ty:**

Giữ nguyên chức năng nhiệm vụ như hiện nay.

III. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu phát triển

Thực hiện Quyết định số 3788/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Công ty TNHH một thành viên Việt Trung đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển của Công ty sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Xây dựng Công ty cổ phần Việt Trung mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình công ty cổ phần.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.
- Tiếp tục đầu tư trồng mới cao su, ổn định đến năm 2020 có 2.200 ha cao su trong đó chủ yếu cao su trồng từ 2006 trở lại, diện tích cao su trồng trước 2006 thanh lý để trồng tái điền.
- Nâng cao năng lực sản xuất gỗ nguyên liệu từ rừng trồng, đổi mới công nghệ, năng lực sản xuất từ 2.000 – 3.000 m³ gỗ nguyên liệu/năm, thu hẹp quy mô sản xuất gỗ thành phẩm tiến tới thoái vốn Nhà máy gỗ tại khu Công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới.
- Khách sạn: Tiếp tục kinh doanh, sau cổ phần hóa tiến hành liên doanh đưa tỷ trọng vốn của Công ty dưới 50% hoặc tiếp tục thoái vốn.
- Tìm kiếm khảo nghiệm các loại cây trồng mới như cây dược liệu; rau sạch, cây ăn quả,... phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng mà thị trường đang cần.
- Về kỹ thuật, công nghệ: Từng bước đổi mới trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ, tăng trưởng chất lượng, tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa

Do hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước khi cổ phần hóa đang gặp nhiều khó khăn do thời tiết mưa nhiều, sản lượng cao su đạt thấp, giá mủ cao su trên thị trường giảm sâu và ảnh hưởng từ sự cố môi trường biển. Sau khi cổ phần hóa, mục tiêu quan trọng nhất Công ty là

đổi mới và củng cố lại quản trị Công ty, sắp xếp lại nhân sự các phòng ban, ổn định hoạt động kinh doanh và giải quyết việc làm cho người lao động. Một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa của Công ty cụ thể như sau:

Bảng số 16: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2018 -2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Chỉ tiêu kế hoạch các năm				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Sản lượng sản xuất						
a	Khai thác mủ cao su						
	Diện tích	ha	1.089,7	1.075,9	1.097,6	1.219,5	1.343,5
	Năng suất	tấn/ha	0,78	0,79	0,82	0,82	0,82
	Sản lượng mủ cao su	tấn	850	850	900	1.000	1.100
b	Gỗ nguyên liệu	m ³	1.000	1.500	2.000	2.000	2.000
c	Gỗ tinh chế	m ³	600	600	650	650	650
2	Tổng doanh thu	tr.đồng	69.100	72.600	80.150	86.150	91.650
-	DT từ mủ cao su	tr.đồng	42.500	42.500	45.000	50.000	55.000
-	DT từ ngành gỗ	tr.đồng	17.600	20.100	23.650	23.650	23.650
-	DT từ khách sạn	tr.đồng	6.000	7.000	8.500	9.500	10.000
-	DT khác	tr.đồng	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000
3	Tổng chi phí	tr.đồng	68.100	69.600	75.150	79.150	84.650
4	Lợi nhuận trước thuế	tr.đồng	1.000	3.000	5.000	7.000	7.000
5	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	800	2.400	4.000	5.600	5.600
5.1	<i>Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>120</i>	<i>360</i>	<i>600</i>	<i>840</i>	<i>840</i>
5.2	<i>Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>40</i>	<i>120</i>	<i>200</i>	<i>280</i>	<i>280</i>
5.3	<i>Trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn Nhà nước)</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>640</i>	<i>1.920</i>	<i>1.950</i>	<i>2.043</i>	<i>2.043</i>
5.4	<i>Lợi nhuận để lại tái đầu tư</i>	<i>tr.đồng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.250</i>	<i>2.437</i>	<i>2.437</i>
6	Nộp NSNN	tr.đồng	4.000	4.000	5.000	6.000	6.000
7	Lao động	tr.đồng	800	820	830	840	850
8	Tổng quỹ lương	tr.đồng	38.005	39.930	44.083	47.383	50.408
9	Thu nhập BQ	tr.đ/ng/ tháng	4,0	4,1	4,4	4,7	4,9
10	Tỷ lệ cổ tức	%	0,34	1,03	1,05	1,1	1,1
11	Vốn điều lệ	tr.đồng	185.723	185.723	185.723	185.723	185.723

(Nguồn: Phương án CPH Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

(*) Tỷ lệ cổ tức bằng tiền trả cổ tức /vốn điều lệ.

3. Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa

Bảng số 17: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa

TT	Danh mục	ĐVT	2018	2019	2020	2021	2022	Cộng	Nguồn vốn
1	Trồng mới cao su	tr.đồng	3.240	3.240	2.160	2.160	2.160	12.960	Vốn vay và tự có
	Diện tích	ha	150	150	100	100	100	600	
2	Chăm sóc cao su	tr.đồng	8.820	9.880	9.990	7.130	5.440	41.260	Vốn vay và tự có
	Diện tích chăm sóc	ha	731	809	804	562	434	3.340	
3	Làm đường nội vùng 20 km	tr.đồng	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	8.000	Vốn tự có
4	Thay mới nội hơi sấy gỗ NL	tr.đồng	1.000					1.000	Vốn tự có
5	Làm mới một lò sấy mù và sửa chữa một số hạng mục	tr.đồng	2.000	4.000				6.000	Vốn vay và tự có
6	Sửa chữa trụ sở làm việc	tr.đồng	1.000					1.000	Vốn tự có
7	Mua mới 2 xe 5-7 chỗ	tr.đồng	800	700				1.500	Vốn tự có
	Cộng	tr.đồng	18.460	19.420	13.750	10.890	9.200	71.720	

(Nguồn: Công ty TNHH một thành viên Việt Trung)

(Ghi chú: Kế hoạch sản xuất đầu tư xây dựng cơ bản chính thức sẽ được trình và thông qua tại đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất của Công ty.)

4. Biện pháp thực hiện

Giải pháp về nâng cao năng lực quản lý

- Sau khi cổ phần hóa cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mọi mặt để đảm bảo rằng mọi kế hoạch đã được đưa ra và thông qua phải được thực hiện một cách nghiêm túc, có chất lượng. Điều này sẽ tạo ra tính kỷ luật trong quản lý, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của người quản lý.

- Trên cơ sở Điều lệ được thông qua, Công ty sẽ hoàn thiện các quy chế, quy trình nghiệp vụ phù hợp với các quy định của Nhà nước và pháp luật theo hướng khuyến khích, tạo điều kiện chủ động, phát huy tính sáng tạo của các bộ phận quản lý và đơn vị trực thuộc. Trong đó, Công ty sẽ ưu tiên xây dựng quy chế trả lương và quy chế quản lý tài chính nội bộ. Hoàn thiện tổ chức và nâng cao hiệu quả bộ máy của Công ty; tiếp tục bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý cho phù hợp với mô hình tổ chức công ty cổ phần có vốn Nhà nước chi

phối, phù hợp với chủ trương chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước và phù hợp với cơ chế thị trường.

- Tăng cường áp dụng những chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại có hiệu quả cao. Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Giải pháp về nhân sự và bộ máy Công ty cổ phần

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT); Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định hiện hành về Công ty cổ phần; Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Quy hoạch điều động nguồn nhân lực trong nội bộ Công ty, thực hiện chính sách thu hút nguồn nhân lực.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp đồng thời tạo môi trường và điều kiện làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động; xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Công ty cũng sắp xếp lại và củng cố nhân sự một số phòng ban để tập trung thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Xây dựng hệ thống bảng lương chức danh đúng với năng lực trình độ của CBCNV nhằm có cơ sở phân phối thu nhập phù hợp với việc sử dụng lao động. Cơ sở này sẽ tạo nên động lực lớn để các cá nhân trong tổ chức phấn đấu, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao đồng thời cũng nâng cao thu nhập của CBCNV giúp cuộc sống của họ được ổn định hơn.
- Song song với việc sắp xếp và củng cố lao động, công tác đào tạo và việc tuyển dụng mới cũng được Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng. Hoạt động này nhằm bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với chuyên môn, sở trường, tận dụng có hiệu quả một cách triệt để nguồn nhân lực của Công ty.

Về lao động

- Nâng cao chất lượng đội ngũ từ cán bộ quản lý đến người lao động bằng các biện pháp tuyển dụng lao động trẻ, có trình độ, tay nghề và phẩm chất tốt về làm việc. Sử dụng các chế độ đãi ngộ xứng đáng và tạo các mục tiêu phấn đấu cho người lao động. Nâng cao trình độ nhận thức, tay nghề cho công nhân lao động trực tiếp bằng các đợt tập huấn, nâng bậc. Đào tạo đội ngũ công nhân trẻ để thay thế cho những người không đảm bảo được yêu cầu công việc. Tạo môi

trường cạnh tranh trong Công ty để toàn thể cán bộ, công nhân viên, người lao động luôn luôn phải cố gắng tự học hỏi nâng cao trình độ nếu không muốn bị đào thải.

- Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách với người lao động như: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ cho người lao động. Trên cơ sở đánh giá năng lực chuyên môn, kinh nghiệm làm việc, những chính sách đãi ngộ phổ biến tại các công ty cổ phần hiện nay như: phát hành cổ phiếu giá ưu đãi - cổ phiếu thưởng cho cán bộ công nhân viên có thể được đưa ra xem xét tạo động lực, khuyến khích tinh thần làm việc cho người lao động.

- Thực hiện cơ chế khoán: Tiếp tục nghiên cứu, rà soát để bổ xung và hoàn thiện cơ chế khoán; đặc biệt là khoán trả lương theo công việc và khoán trả lương theo sản phẩm trong Công ty nhằm khuyến khích, thúc đẩy, động viên lao động có cống hiến, đóng góp phát triển doanh nghiệp; đảm bảo công bằng trong chi trả thu nhập. Xây dựng thang lương, bảng lương phù hợp với đặc điểm, điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty để làm cơ sở thực hiện khoán tiền lương như trên.

Quản lý nguồn vốn và tài chính

Để thực hiện kế hoạch ổn định và phát triển của Công ty cổ phần trong giai đoạn sau cổ phần hóa, Công ty sẽ đầu tư cho một số phần việc cụ thể sau:

- Tiếp tục duy trì năng lực hiện có của Công ty để đảm quá trình sản xuất kinh doanh không bị gián đoạn sau quá trình cổ phần hóa. Đồng thời tiến hành lộ trình tái cơ cấu nguồn vốn dần dần trong khoảng từ 3 – 5 năm, đảm bảo khả năng thanh toán và khả năng tự chủ về tài chính là tối ưu nhất. Trên cơ sở xây dựng các phương án sản xuất kinh doanh, quản lý dòng tiền cũng như chiến lược phù hợp để có thể nâng cao uy tín cũng như thương hiệu của Công ty sau cổ phần hóa;

- Đối với công tác theo dõi công nợ: Công ty sẽ tăng cường những biện pháp quản lý theo dõi nợ phải thu. Rà soát, kiểm tra đốc thúc thu hồi công nợ nhằm đảm bảo sự luân chuyển tốt và nâng cao tốc độ quay vòng vốn lưu động cho Công ty. Với các khoản nợ phải trả thì cần phải rà soát ưu tiên cho việc thanh toán và trả các khoản nợ đến hạn, cơ cấu lại các khoản nợ theo lộ trình, cam kết, từng bước hoàn thiện các cân cân về tỷ số tài chính.

- Đối với hoạt động đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh: Thực hiện việc thanh lý các máy móc, thiết bị, tài sản không có nhu cầu sử dụng hoặc lạc hậu, xây dựng, cải tạo, mở rộng quy mô nhà xưởng chế biến, đầu tư và mua sắm máy móc, thiết bị đảm bảo chất lượng, hiện đại phục vụ hoạt động sản xuất.

- Đối với quá trình kiểm soát chi phí: Triển khai các biện pháp xây dựng dự toán chi phí, định mức nguyên nhiên liệu, nhân công. Xây dựng các qui chế quản lý về chi phí, đảm bảo các định mức sản xuất phù hợp cho từng loại sản phẩm. Tiến hành xây dựng và ban hành qui chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu từ đó để giảm giá thành sản xuất, nâng cao lợi nhuận, tăng cường sức cạnh tranh, thực hiện các chính sách thưởng, phạt trong việc thực hiện tiết kiệm chi phí, tuyên truyền, phổ biến thực hành tiết kiệm trong toàn Công ty.

✚ Giải pháp về đất đai

- Căn cứ vào đề án sắp xếp, đổi mới và phát triển Công ty đã được UBND tỉnh phê duyệt, quy hoạch sử dụng đất của địa phương và hiện trạng sử dụng đất, Công ty xây dựng phương án sử dụng đất báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai theo đúng quy định. Trong đó, tập trung xử lý dứt điểm các diện tích đất bị lấn chiếm, cấp trùng, liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, giao khoán không đúng quy định.

✚ Giải pháp về chế biến

- Để tiếp tục phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, Công ty tiếp tục duy trì các nhà máy chế biến hiện có, đồng thời đầu tư nâng cấp, đổi mới dây chuyền công nghệ chế biến mủ cao su, công nghệ chế biến gỗ. Đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sản xuất mủ cốm SVR 3L, CV 50, SVR 10 với thiết bị công nghệ chế biến, xả nước thải hiện đại.

✚ Giải pháp về khoa học và công nghệ

- Chuyển giao các bộ giống mới có năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu các yếu tố thời tiết khắc nghiệt như hạn, gió bão; đầu tư xây dựng vườn ươm giống cao su stum bầu để đưa vào trồng mới;

- Áp dụng tiến bộ khoa học trong khai thác mủ để tăng năng suất, giảm chi phí nhân công; từng bước đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị trường, nhất là công nghệ chế biến mủ cao su, chế biến gỗ, thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008; đưa công nghệ tin học vào quá trình quản lý và nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý.

✚ Giải pháp về thị trường

- Mở rộng tìm kiếm các thị trường trong và ngoài tỉnh để tiêu thụ sản phẩm ổn định; đẩy mạnh xây dựng thương hiệu sản phẩm mủ cao su, sản phẩm gỗ chế biến; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh để giới thiệu tiềm năng, sản phẩm; tiếp tục tăng cường tiếp thị quảng bá sản phẩm để tìm kiếm thị trường mới, đặc biệt là thị trường xuất khẩu; xây dựng mạng lưới các đại lý phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

PHẦN V: THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

I. PHÂN TÍCH RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

- Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

- Trong năm 2016, đà tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu đã chậm hơn so với mức kỳ vọng do sự giảm sút của các nền kinh tế công nghiệp hóa lẫn các nước đang phát triển sống nhờ vào xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu. Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt là từ việc đồng USD tăng giá trong gần nửa cuối năm 2016. Bên cạnh đó, vào tháng 4 năm 2016,

Việt Nam bị sự cố môi trường biển tại các tỉnh miền Trung và vùng Châu thổ đồng bằng sông Cửu Long bị hạn hán nghiêm trọng. Chính nạn ô nhiễm này cùng với thông tin TPP sẽ không được thông qua đã khiến giới đầu tư nước ngoài ngần ngại khi đầu tư vào thị trường Việt Nam trong tương lai và dẫn đến dòng vốn bị rút ròng.

- Về tổng thể, năm 2017, nền kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục thuộc nhóm có tốc độ tăng GDP cao hàng đầu khu vực, cân đối vĩ mô vẫn sẽ được bảo đảm, dự trữ ngoại tệ được bảo tồn. Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu GDP năm 2017 phải tăng khoảng 6,7%, tốc độ giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6 – 7%. Tuy nhiên, đi kèm với việc tăng trưởng nhanh là áp lực lạm phát cũng sẽ gia tăng trong năm 2017. Ngoài ra, khả năng nhu cầu nông sản và giá nông sản thế giới được dự báo sẽ phục hồi cũng góp phần làm tăng giá hàng lương thực, trong khi kỳ vọng mang lại lợi ích cho nông dân và hoạt động xuất khẩu nông sản.

2. Rủi ro luật pháp

- Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) hiện nay nhiệt độ trái đất tăng bình quân hàng năm là 0,5°C, nhiều sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, không chỉ về sản lượng mà cả về chất lượng. Hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến đổi khí hậu, thời tiết do xu thế chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng nên: Lượng mưa giảm, xói mòn tăng, nước mặn, nước ngầm ngày càng khan hiếm... Lốc xoáy ngày càng phổ biến làm thiệt hại tài sản vườn cây, các công trình xây dựng không kiên cố (Trạm, trại...). Do vậy, trước những rủi ro biến đổi khí hậu cần có giải pháp về giống cây trồng, phương pháp kỹ thuật và nhiều động thái góp phần cải tạo môi trường sống.

Tỷ trọng cao su già cỗi cao su Việt Nam ở vùng trồng truyền thống hiện đang ở mức cao dẫn đến năng suất, chất lượng sản phẩm khai thác sụt giảm. Cùng với đó là giá cao su xuống thấp trong những năm trước đó đã khiến xảy ra tình trạng cạnh tranh đất tái canh cao su với cây trồng khác ở các địa phương.

4. Rủi ro của đợt chào bán

- Trong giai đoạn 2015-2016, Thủ tướng Chính phủ đang đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước nên nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh. Chính điều này đã tạo

nên áp lực thị trường khó hấp thụ được hết số cổ phần chào bán. Mặt khác, quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phần mà mỗi quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều. Do đó, Công ty chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần.

- Cổ phiếu của Công ty chưa được đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản thấp hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch. Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

5. Rủi ro khác

- Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. PHƯƠNG THỨC CHÀO BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN

1. Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung, nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Theo quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Công ty TNHH một thành viên Việt Trung sẽ chuyển thành Công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ. Xét trên tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty và để đảm bảo cho phương án cổ phần hóa thành công và tạo được sức hút đối với các nhà đầu tư, kính trình Ban chỉ đạo xem xét Nhà nước sẽ nắm giữ 65% vốn điều lệ Công ty cổ phần, tương ứng sở hữu 12.072.042 cổ phần, tương đương 120.720.420.000 đồng.

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và Thông tư 127/2014/TT-BTC sẽ được trình cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

3. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

3.1. Bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước

Căn cứ

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực

hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần;

- Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/02/2017;
- Biên bản họp Hội nghị người lao động ngày 06/3/2017;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (27/02/2017) là 767 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ – CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH một thành viên Việt Trung đã lập danh sách lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước cụ thể như sau:

- + Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động : 767 lao động
Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp
- + Tổng số lao động mua cổ phần ưu đãi theo thời gian : 767 lao động
thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước
- + Tổng số lao động không được mua hoặc không mua : 0 lao động
cổ phần ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu
vực Nhà nước
- + Tổng số năm công tác trong khu vực Nhà nước : 6.870 năm
- + Tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi : 687.000 cổ phần
- + Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi thực tế : 687.000 cổ phần
- + Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- + Giá bán: : Bằng 60% giá bán đấu giá
thành công thấp nhất của
cuộc đấu giá công khai
- + Thời gian thực hiện dự kiến : Quý 2/2017

3.2. Bán cổ phần cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 7 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần:

“Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam

kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

- Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.”

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa. Phương án mua thêm cổ phần ưu đãi đối với lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, không có người lao động đăng ký mua theo cam kết làm việc tại công ty, số cổ phần đăng ký 0 cổ phần.

4. Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- Tổng số cổ phần bán đấu : 5.813.330 cổ phần (tương ứng với 58.133.300.000 đồng giá chiếm 31,3% Vốn điều lệ công ty cổ phần)
- Giá khởi điểm đề xuất : 10.000 đồng/cổ phần
- Đơn vị tư vấn tổ chức đấu : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
giá Số 2, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Thời gian bán đấu giá : Dự kiến trong Quý 2/2017, sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH một thành viên Việt Trung thành công ty cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (*Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ*).
- Giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty : Khi chuyển sang công ty cổ phần, tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại công ty theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123 ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên

thị trường chứng khoán Việt Nam.

Các ngành nghề kinh doanh của công ty không quy định giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký mua tối đa số lượng cổ phần bán đấu giá.

5. Cổ phần bán cho Công đoàn:

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ.

Hiện Công đoàn Công ty không có nguồn quỹ Công đoàn, do vậy công đoàn Công ty không đăng ký mua cổ phần.

6. Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược:

Hiện tại Công ty TNHH một thành viên Việt Trung chưa tìm được Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

7. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

Các Nhà đầu tư mua cổ phần thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo quy định:

- Nhà đầu tư tham gia đấu giá: Theo quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.
- Người lao động: thanh toán tiền mua cổ phần bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông báo của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.

III. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CỔ PHẦN HÓA

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng số 18: Kế hoạch sử dụng tiền từ cổ phần hóa

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước	(1)			185.723.720.512
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước làm tròn	(2)			185.723.720.000
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(3)			185.723.720.000
Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần	(4)			120.720.420.000
Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt tính theo mệnh giá	(5)			65.003.300.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá	(6)=(3)-(4)-(5)			-
Số tiền thu được từ cổ phần hóa	(7)=(8)+ (9)+ (10) +(11)			62.255.300.000
Bán cho CBCNV	(8)=(8.1) +(8.2) +(8.3)	687.000		4.122.000.000

- Mua wu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(8,1)	687.000	6.000	4.122.000.000
- Bán cho lao động khoán có hợp đồng ổn định lâu dài	(8,2)	-	6.000	-
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(8,3)	-	10.000	-
Bán cho công đoàn	(9)	-	6.000	-
Bán cho đối tác chiến lược	(10)	-	10.000	-
Bán đấu giá lần đầu	(11)	5.813.330	10.000	58.133.300.000
Số tiền để lại Công ty	(12)=(6)			-
Thặng dư vốn cổ phần	(13)=(7) -(6) - (5)			-
Số tiền chênh lệch giữa Vốn Nhà nước và Vốn Nhà nước làm tròn	(14)=(1)-(2)			512
Chi phí cổ phần hóa	(15)			500.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư	(16)			13.491.815.850
Nguồn xử lý CPCPH và lao động				
- Từ thặng dư				-
- Từ quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				13.991.815.850
Thặng dư còn lại				-
Xử lý thặng dư				
- Để lại doanh nghiệp				-
- Chuyển về quỹ				-
Số tiền giữ lại CTCP				-
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp				48.263.484.662

(Nguồn: Phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung)

IV. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Việt Trung

Ông Trần Anh Tuấn – Phó Giám đốc Sở Tài chính Quảng Bình – Phó Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Việt Trung.

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt.

2. Đại diện Công ty TNHH một thành viên Việt Trung

Ông Nguyễn Văn Minh – Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.

Chúng tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định

của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.

3. Đại diện Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Bà Trần Thị Thu Hương - Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia đảm bảo rằng việc xây dựng và soạn thảo Bản Công bố thông tin này trung thực, khách quan và chính xác dựa trên các thông tin và số liệu do Công ty TNHH Một thành viên Việt Trung cung cấp.

Tất cả những thông tin trên được đưa ra theo đúng quy định của pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo tính công khai, minh bạch và quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị chứng khoán.

Các thông tin trên cung cấp cho nhà đầu tư với mục tiêu giúp nhà đầu tư nhìn nhận doanh nghiệp dự định đầu tư một cách khách quan, sáng suốt.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo kỹ Bản Công bố thông tin này trước khi đưa ra quyết định đầu giá mua cổ phần của Công ty TNHH một thành viên Việt Trung.

V. CAM KẾT CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIỆT TRUNG

Khi đăng ký bán đấu giá cổ phần lần đầu qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty sẽ đồng thời thực hiện đăng ký lưu ký và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định tại Thông tư 115/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 196/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Theo Khoản 17, Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015, Công ty cần phải được đăng ký để lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo nguyên tắc sau:

a) Trong thời hạn tối đa 90 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo quy định pháp luật về cổ phần hóa, tổ chức phát hành phải hoàn tất các thủ tục để đăng ký lại doanh nghiệp (nếu có), đăng ký lưu ký cổ phần, cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom;

b) Trường hợp doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán cổ phiếu ra công chúng mà đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ niêm yết ngay sau khi kết thúc đợt chào bán và báo cáo kết quả chào bán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty TNHH một thành viên Việt Trung cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên./.

